TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15/6/2023
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mã Thị Huệ.

2. Ông Hoàng Văn Xuân.

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Văn Noọng - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa*:** Ông Lương Văn trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/4/2023 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXHNGĐ - ST ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 199x;

Nơi cư trú: Tổ dân phố x, thị trấn K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Bị Đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 199x;

Nơi cư trú: Tổ dân phố x, thị trấn K, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Hiện nay đang chấp hành án tại đội x, phân trại số y, Trại giam Hoàng Tiến, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/4/2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị Đ trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh T kết hôn năm 2016 và tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương Linh, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn ngày 27/12/2016. Việc đăng ký do hai vợ chồng tự

nguyện tiến hành. Sau kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc với nhau ở tỉnh Bắc Kạn, cuối năm 2018 thì hai người chuyển lên sinh sống ở thị trấn K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không chịu tu chí làm ăn, chơi bời đua đòi thích hưởng thụ, bỏ bê không quan tâm gia đình. Đặc biệt chị phát hiện anh T nghiện ma túy, mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Vì vậy đến cuối năm 2022 anh T bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh tuyên phạt 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Hiện nay đang chấp hành án tại đội x, phân trại số y, Trại giam Hoàng Tiến, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Trong thời kỳ hôn nhân hai vợ chồng chưa có con chung, không tạo dựng được tài sản chung và cũng không nợ nần ai. Hiện nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/5/2023, bị đơn Nguyễn Thanh T xác nhận các vấn đề về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, con cái, tài sản, nợ chung như chị Đ trình bày là đúng. Tuy nhiên giữa anh và chị Đ không có mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, anh cũng không biết nguyên nhân gì dẫn đến việc vợ làm đơn xin ly hôn anh. Vì vậy anh T không nhất trí ly hôn. Đồng thời anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện và khai: Năm 2016 sau thời gian tìm hiểu thì chị và anh T tổ chức kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận nhưng từ năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy, không quan tâm đến gia đình. Sau đó thì bị bắt và kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đang trong thời gian chấp hành án tại Trại giam. Xét thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể sống chung nên đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn. Các vấn đề khác không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Thanh T;

- Về con chung: Chưa có nên không xem xét;

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;

- Về án phí: Buộc chị Đ phải chịu 300.000đ án phí để sung quỹ Nhà nước. Các bên có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn Nguyễn Thanh T đăng ký tạm trú và trước khi bị bắt tạm giam thì cư trú tại: Tổ dân phố x, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ.

[2]. *Về tố tụng:* Tại phiên Tòa vắng mặt bị đơn nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp:* Chị Hoàng Thị Đ yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Thanh T, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tung dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị Đ và anh Nguyễn Thanh T tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương Linh, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn ngày 27/12/2016. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị Đ và anh T là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng sau khi lên thị trấn Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng sinh sống được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không chịu tu chí làm ăn, lười lao động, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, sử dụng trái phép chất ma túy, hiện nay đang trong thời gian chấp hành án tại đội x, phân trại số y, Trại giam Hoàng Tiến, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Tại bản tự khai ngày 10/5/2023 anh T xác nhận trong cuộc sống hằng ngày giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn, không biết nguyên nhân gì vợ làm đơn ly hôn. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng: Chính việc anh T sử dụng trái phép chất ma túy, bị kết án và đang trong thời gian chấp hành án là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chông. Anh T đã vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghịa vụ của vợ chồng, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Đ và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung:* Hai bên đương sự xác nhận chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này nếu bên nào có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác là có căn cứ.

[7]. *Về án phí:* Chị Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị đã nộp đủ theo biên lai số 0000523, ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt Bản án hợp lệ./.

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**
đã ký	**đã ký**
Mã Thị Huệ - Hoàng Văn Xuân	**Nông Văn Tùng**